

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST  
Ngày: 03-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Duyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn L, sinh năm 1995; tại Long An. Nơi cư trú: Số 106/3 ấp B, xã H, huyện C, tỉnh L; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Mỹ Tr; có vợ tên Nguyễn Thị Thanh Th và 01 người con, sinh năm: 2019; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 22/4/2021 đến nay (có mặt).

***Bị hại:*** Ông Phạm Quốc T, sinh năm: 1983. Chủ hộ kinh doanh kho thanh long V. Địa chỉ: Số 118A/11 L, phường 7, Quận 10, Thành phố H (vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 31 lô 1A, chung cư 830 S, phường 13, Quận 10, Thành phố H (vắng mặt).

***- Người làm chứng:***

1/ Ông Trần Thanh T, sinh năm: 2002. Địa chỉ: Số 340/2 Ấp 2, xã Ph, huyện C, tỉnh L (có mặt).

2/ Ông Trần Thái B, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Số 370/2 Ấp 2, xã Ph, huyện C, tỉnh L (có mặt).

3/ Bà Bùi Ngọc Gia H, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện C, tỉnh L (có mặt).

4/ Bà Lê Thị Anh Th, sinh năm: 2000. Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm nghề bốc vác thuê cho các kho thanh long trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nên L biết rõ kho thanh long V ngụ ấp 8 xã H có chứa nhiều thùng giấy để đựng thanh long, nhưng cửa kho không có khóa và thường xuyên không có người trông giữ. Vì vậy, L nảy sinh ý định lấy trộm thùng giấy bán lấy tiền tiêu xài và đã thực hiện 4 lần trộm cắp cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Tối ngày 14/4/2021 Nguyễn Tấn L điện thoại cho Nguyễn Trọng T là quản lý kho giấy V ngụ ấp M, xã D, huyện C, tỉnh L hỏi anh T có mua thùng giấy đựng thanh long loại 25kg không, thì anh T đồng ý mua, nếu số lượng nhiều thì mua giá 24.000 đồng/thùng, nếu số lượng ít thì mua với giá 18.000 đồng/thùng.

Nguyễn Tấn L điện thoại cho Trần Thanh T là tài xế xe tải, thuê T chở thùng giấy từ kho V (xã H) sang kho giấy V (xã D) do T không có xe lớn, nên T nói L để T kêu thêm 1 xe nữa thì L đồng ý. Cả 2 thỏa thuận giá chở thuê mỗi chuyến là 500.000 đồng/xe.

Đến khoảng hơn 00 giờ ngày 15/4/2021, L đến và vào trong kho thanh long V, dùng xe nâng đẩy thùng giấy ra ngoài, rồi điện thoại cho T, T gọi cho Trần Thái B cùng đi. T điều khiển xe ô tô tải biển số 61L-6287 chở theo bạn gái tên Bùi Ngọc Gia H. Còn B điều khiển xe ô tô tải biển số 29M-2560 đến kho V. L cùng với T, B chất thùng giấy lên hai xe rồi chở đến kho V. Cả 03 xuống thùng giấy để trước sân kho. L điện thoại cho Nguyễn Trọng T báo hàng đã chở đến kho, T kêu L chờ sáng thư ký mở cửa kho nhận hàng, do không có tiền trả tiền xe nên L kêu T chuyển 1.000.000 đồng vào số tài khoản của Bùi Ngọc Gia H. Sau đó T và B điều khiển xe về, còn L ở lại giữ thùng giấy. Đến khoảng 05 giờ sáng thư ký mở cửa kho cho L đẩy thùng giấy vào. Kết quả kiểm đếm là 965 thùng giấy màu hồng và 116 thùng giấy màu đen. Thư ký báo cho T biết số lượng và tính tiền, thùng giấy màu hồng giá 24.000 đồng/thùng; thùng giấy màu đen giá 18.000 đồng/thùng, tổng cộng là 25.250.000 đồng. T kêu L cho số tài khoản để T chuyển tiền. Do không có số tài khoản nên L mượn số tài khoản của người quen tên K bán cà phê ở thị trấn T để cho T chuyển khoản vào số tiền 24.250.000 đồng, xong L nhờ K rút tiền về đưa lại cho L.

Lần thứ 2: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/4/2021, L điện thoại cho T thỏa thuận bán thùng giấy như lần trước thì được T đồng ý, L tiếp tục điện thoại hẹn T đến kho V để chở thùng giấy. Lúc này, L đã mượn số tài khoản của T và điện thoại yêu cầu T chuyển cho L 800.000 đồng vào tài khoản của T, rồi nhờ T đi rút tiền về đưa cho L. Đến khoảng 23 giờ, L đến kho thanh long V, lấy xe nâng đẩy thùng giấy ra ngoài rồi điện thoại kêu T chạy xe lên kho chở. T và B điều khiển 02 xe ô tô tải chở thùng giấy đến kho V. Lần này L yêu cầu anh T chuyển tiền vào tài khoản của Bùi Ngọc Gia H, số tiền 1.500.000 đồng. Sau đó T và B điều khiển xe về, L ở lại giữ thùng giấy. Đến khoảng 05 giờ 30 phút, thư ký kho mở cửa cho L đẩy thùng giấy vào. Qua kiểm đếm số lượng là 1.200 thùng màu đỏ có in chữ “Thanh long Việt Nam”, L điện thoại cho T báo số lượng, T đồng ý mua với giá 24.000 đồng/thùng, thành tiền là 28.800.000 đồng. Số tiền còn lại L yêu cầu anh T chuyển tiền vào tài khoản của K số tiền 26.500.000 đồng (đã trừ đi số tiền L ứng trước là 2.300.000 đồng), sau đó K rút tiền về đưa cho L.

Lần thứ 3: Khoảng 20 giờ ngày 18/4/2021, Nguyễn Tấn L điện thoại cho Nguyễn Trọng T tiếp tục bán thùng giấy như 02 lần trước. Sau khi đẩy thùng giấy ra ngoài, khoảng 01 giờ 30 phút L điện thoại kêu T và B chạy xe đến kho V chở. Đến khoảng 05 giờ 30 phút thư ký kho mở cửa cho L đẩy thùng giấy vào kho. Qua kiểm đếm số lượng là 1.265 thùng màu hồng có in chữ “HONGYAN” lần này Tường đồng ý mua với giá 25.000 đồng/thùng, thành tiền là 30.360.000 đồng. L yêu cầu T chuyển tiền vào tài khoản của Bùi Ngọc Gia H. Sau đó T và L đi rút số tiền 30.300.000 đồng, còn 60.000 đồng trừ phí rút tiền và trả tiền xe cho T 1.000.000 đồng.

Lần thứ 4: Khoảng 20 giờ ngày 19/4/2021, sau khi điện thoại thỏa thuận tiếp tục bán thùng giấy cho T xong thì L điện thoại cho T để thuê xe, đồng thời kêu T chở L đi thành phố T uống cà phê. Đến khoảng 23 giờ 30 phút, T chở L về kho V rồi T về nhà, L vào kho ngủ một lúc rồi dùng xe nâng đẩy thùng giấy ra ngoài. Đến khoảng 01 giờ ngày 20/4/2021 L điện thoại kêu T chạy xe lên, thì T và B điều khiển hai xe đến rồi cả ba người chất thùng giấy lên xe chở đến kho V. Sau khi xuống thùng giấy xong, L tiếp tục kêu T trở lại kho V chở thêm 01 chuyến nữa, còn B thì điều khiển xe đi về nhà. Sau khi xuống thùng giấy xong, T chở L về nhà T tắm rồi trở ra kho V. Đến khoảng 05 giờ 30 phút, thư ký kho mở cửa cho L đẩy thùng giấy vào. Qua kiểm đếm số lượng là 1.000 thùng màu đen, có in chữ “Quả thanh long Bình Thuận” và 420 thùng giấy màu đỏ, có in chữ “Con gấu - Vạn Phát Thành”. Thư ký báo cho T biết số lượng và thống nhất mua 1.000 thùng với giá 24.000 đồng/thùng; 420 thùng giá 18.000 đồng/thùng, thành tiền là 31.560.000 đồng. L yêu cầu T chuyển tiền vào số tài khoản của H. Sau đó T và L đi rút số tiền 31.500.000 đồng, còn 60.000 đồng trừ phí rút tiền và trả tiền xe cho T 1.500.000 đồng.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số: 14, 15, 28, 29/KL-HĐĐG vào các ngày 13 và 14/5/2021 và 16/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, kết luận: 4.966 thùng giấy có kích thước (58 x 39 x 45) cm loại 25kg có giá trị là

33.500 đồng/thùng x 4.966 thùng = 166.361.000 đồng. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với kết quả định giá không có khiếu nại gì.

Vật chứng tạm giữ: 1.200 thùng giấy màu đỏ trên thùng có in chữ “Thanh long Việt Nam”; 1.000 thùng giấy màu đen, trên thùng có in chữ “Quả thanh long Bình Thuận”; 420 thùng giấy màu đỏ, trên thùng có in chữ “Con gấu- Vạn Phát Thành”; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (của Nguyễn Tấn L).

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả cho bị hại ông Phạm Quốc T 2.620 thùng giấy.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Quốc T yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp giá trị 2.230 thùng giấy theo giá trị định giá là 74.705.000 đồng. Ông Nguyễn Trọng T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 2.620 thùng giấy mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ, theo giá mà ông đã mua của bị cáo là 60.360.000 đồng.

Bị cáo L đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T, ông T nhưng chưa thực hiện bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu; bị cáo không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về bản kết luận định giá, đồng thời không có khiếu nại gì đối với cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSCT ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố tại phiên tòa* vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn L theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 22/4/2021. Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Tấn L thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 03/12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo bồi thường cho ông Phạm Quốc Tuấn số tiền 74.705.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 60.360.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

*Bị cáo nói lời sau cùng:* Hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng các đương sự đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hành vi của bị cáo: Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác, lợi dụng cửa kho thanh long V không có khóa và thường xuyên không có người trông giữ, bị cáo L đã lén lút chiếm đoạt tài sản là thùng giấy đựng thanh long của kho thanh long V (xã H) do ông Phạm Quốc T là chủ kho, bị cáo đã thuê xe tải chở thùng giấy trộm được đến kho giấy V bán cho ông Nguyễn Trọng T (xã D) lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo L đã thông qua tài khoản của người khác để nhận tiền bán thùng giấy từ ông T và đã thực hiện 04 lần trộm cắp thùng giấy đựng thanh long có giá trị là 166.361.000 đồng.

Bị cáo là người thành niên có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều lần là vi phạm pháp luật nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mình gây ra. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Nguyễn Tấn L với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường*

*hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

...

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”*

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Tấn L có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Tấn L có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bà nội tên Nguyễn Thị A được tặng Bằng khen đã góp công góp sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có ông bà cố là ông Trần Văn N, bà Huỳnh Thị Ng được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; có đơn xin bãi nại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của của bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo bản thân trở thành công dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy điều kiện kinh tế của bị cáo còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với ông Nguyễn Trọng T đã nhiều lần mua thùng giấy của bị cáo, nhưng ông T không biết đây là tài sản trộm cắp, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông T về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng quy định của pháp luật; Ông Trần Thanh T, ông Trần Thái B đã nhiều lần chở thuê cho bị cáo và bà Bùi Ngọc Gia H đã nhận và rút tiền từ tài khoản giao cho bị cáo L, nhưng không biết tài sản do bị cáo L trộm cắp, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp quy định của pháp luật; người tên K do không rõ địa chỉ, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, không đủ cơ sở để xử lý là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Quốc T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 2.230 thùng giấy theo giá trị định giá là 74.705.000 đồng và ông Nguyễn Trọng T yêu cầu bị cáo bồi thường 2.620 thùng giấy mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ, theo giá mà ông đã mua của bị cáo là 60.360.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông T số tiền là 74.705.000 đồng và bồi thường cho ông T số tiền là 60.360.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của bị cáo.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L về tội danh và mức án trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 03 năm 06 tháng tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị tạm giam là ngày 22/4/2021.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Tấn L trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 03/12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn L có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Quốc T, chủ hộ kinh doanh kho thanh long V số tiền là 74.705.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Trọng T số tiền là 60.360.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Tịch thu sung công quỹ nhà nước một điện thoại di động hiệu Nokia

màu đen của bị cáo theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.753.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh;
- VKS ND tỉnh;
- VKS ND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ái Duy**